

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Hiền.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Tiến Dũng.
2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1131/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5037/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị C**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp P, xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Chí I**, sinh năm 1980; Địa chỉ: G đường 672, khu phố 1, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2025 và bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Chí I chung sống với nhau tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 134 do Ủy ban nhân dân phường Phước Long (trước đây là phường Phước Long B, Quận 9), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/07/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Xét thấy khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chí I để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình sống chung, bà C và ông I có 01 con chung tên là Nguyễn

Con chung: Quá trình sống chung, ông và bà C có 01 con chung là Nguyễn Song T, sinh ngày 22/11/2018. Ông đồng ý giao con chung cho bà C nuôi dưỡng và cấp dưỡng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông I khai không có.

Nợ chung: Ông I khai không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 01 tháng 12 năm 2025, ông Nguyễn Chí I có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, bà Phan Thị C có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm”.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phan Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Chí I. Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Song T, sinh ngày 22/11/2018 cho Phan Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Chí I có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 02 triệu đồng/tháng. Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Chí I. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Nguyễn Chí I hiện đang cư trú tại phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành và Phụ lục đính kèm thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn và bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, bà C và ông I có 01 con chung là Nguyễn Song T, sinh ngày 22/11/2018. Ông I đồng ý với yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà C, đồng thời cũng là nguyện vọng của trẻ T tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2025, do đó ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thống nhất giao con chung cho bà C nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.3] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Bà C yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, ông I đồng ý, do đó ghi nhận thống nhất của các đương sự về mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ T đủ 18 tuổi.

[2.4] Tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà C đã nộp theo biên lai thu số 0034233 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Chí I phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Ông Nguyễn Chí I chưa đóng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Không có.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành và Phụ lục đính kèm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Chí I được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục các con chung. Vì quyền lợi của các con chung, khi cần thiết một trong hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi giữ hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Tài sản chung: Không có.

1.4. Nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà C đã nộp theo biên lai thu số 0034233 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Chí I phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Ông Nguyễn Chí I chưa đóng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3. Thời hạn kháng cáo của các đương sự là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.